

Bản án số **168/2022/HC-PT**

Ngày 28/6/2022

V/v: **“Yêu cầu hủy quyết định
hành chính”**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh.

Ông Nguyễn Tấn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 62/2022/TLPT-HC ngày 04/4/2022 về việc “Yêu cầu hủy quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1745/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Mai Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện TN, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 227A đường N, quận N1, thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hữu L - luật sư, Văn phòng luật sư M1 thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 24 đường T1, quận H3, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang N2 - Phó Chủ tịch, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố Đà Nẵng:
Ông Nguyễn Hồng A - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, có mặt.

2. Ủy ban nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 486 Đường L1, phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai N2 – Phó Chủ tịch, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND quận N1:

- Ông Nguyễn Văn T3 – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận N1, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Ông Cao Thanh H1 – Giám đốc Ban giải phóng mặt bằng quận N1, thành phố Đà Nẵng. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 486 Đường L1, quận N1, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai N2 – Phó Chủ tịch, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND quận N1:

- Ông Nguyễn Văn T3 – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận N1, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Ông Cao Thanh H1 – Giám đốc Ban giải phóng mặt bằng quận N1, thành phố Đà Nẵng. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 40 đường KY, quận N1, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thiên L2 - Công chức địa chính xây dựng đô thị môi trường, có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 40 đường KY, quận N1, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thiên L2 – Công chức địa chính xây dựng đô thị môi trường, có mặt.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 106 đường H2, quận H3, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Bá T3 – Chuyên viên Phòng bồi thường - thông tin đất đai, có mặt.

3. Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 57 đường Q, quận H3, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H4 - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N1, thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Mai Xuân T2, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 62 đường N2, phường M2, quận N1, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

5. Ông Mai Xuân L3, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 402 Đường L1, phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2, ông L3: Ông Trịnh Anh H5, sinh năm 1973; địa chỉ: số 07 đường B1, phường M2, quận N1, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

6. Bà Mai Thị Xuân Tr, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 62 đường N2, quận N1, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

7. Bà Mai Thị P, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 144 Đường L1, phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tr, bà P: Ông Huỳnh Ngọc Th, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 144 Đường L1, phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

8. Bà Mai Thị Bích L4, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 3 đường KY, tổ 34, phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L4: Ông Lê Sáng Đ1; địa chỉ: Số 3 đường KY, tổ 34, phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

9. Bà Mai Thị Cẩm T4, sinh năm 1963.

Người đại diện của bà T4: Bà Mai Thị Bích L4, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 03 đường KY, tổ 34, phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

10. Bà Mai Thị Ng, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện TN, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

11. Ông Vũ Trọng L5, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L5: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 03 đường KY, tổ 34, phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

12. Ông Vũ Trọng C, sinh năm 1995.

13. Ông Vũ Trọng D, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện TN, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C, ông D: Ông Lê Sáng Đ1; địa chỉ: Số 3 đường KY, tổ 34, phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

14. Ông Trần Văn L6 và bà Hồ Thị Đ2; địa chỉ: Số 176 Đường L1, phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người kháng cáo: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân T2, ông Mai Xuân L3, bà Mai Thị P và bà Mai Thị Xuân Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trần Văn H trình bày:**

Các bà Mai Thị T, Mai Thị Cẩm T4, Mai Thị P và Mai Thị Ng là con đời sau của ông Mai Xuân L7 và bà Nguyễn Thị T5. Bà Mai Thị Bích L4 là con đời trước của ông L7 và bà Nguyễn Thị Đ4. Ông Mai Xuân L7 là con của bà Trần Thị H6 và ông Mai Xuân H7, quê quán: ĐM, B3, quận N1, thành phố Đà Nẵng.

Sau ngày giải phóng, ông L7 đưa mẹ con bà T về quê hương tại ĐM, B3, N1, Đà Nẵng sống cùng với mẹ lớn là bà Nguyễn Thị Đ4.

Khi về quê ông L7 viết đơn: “Đơn xin lại đất vườn để ở, ký ngày 30/8/1980”. Vườn này là của ông, bà nội bà T (bà H6, ông H7) khai hoang từ trước năm 1975 và đã giao lại cho Hợp tác xã nông nghiệp B3 (cũ) theo chính sách của Nhà nước (thời điểm trước năm 1980), năm 1980 Ban chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp B3 (cũ) đã giao vườn cho ông L7 sử dụng và xác nhận: “Nhất trí giải quyết cho anh Lộc cái vườn ở cũ của bà Trần Thị H6. Nay để lại cho anh Lộc ở”. Các thửa do ông L7 sử dụng thể hiện tại sổ Mục kê gồm:

- Thửa 46. Mai Xuân L7 812,8m² đất ở 300m².

- Thửa 48. Mai Xuân L7 - Nguyễn Thị Đ4 648,2 m² gồm đất ở 300m², đất vườn 348,2m².

- Thửa 49. Mai Xuân L7 - Nguyễn Thị Đ4 800m² gồm đất ở 300m², đất vườn 548,4m².

Sau thời gian chung sống mẹ bà T (bà T5) đưa các con về lại Hải Phòng. Lúc ông L7 còn sống, gia đình bà T vẫn thường xuyên liên lạc về Đà Nẵng. Năm 1997 ông L7 chết, do kinh tế khó khăn nên thỉnh thoảng gia đình bà T mới về Đà Nẵng.

Đến năm 2009, bà Mai Thị Bích L4 và ông Mai Xuân T2 (ông T2 gọi ông L7 là chú ruột) có tranh chấp đất đai. Vụ kiện giữa bà Mai Thị Bích L4 với bà Đ9 và ông Mai Xuân T2 được Tòa án nhân dân quận N1 giải quyết. Chị em bà T được Tòa triệu tập với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Ngày 25/8/2017, Tòa án nhân dân quận N1 tuyên Bản án sơ thẩm số

45/2017/DS-ST, tuy nhiên ngày 30/11/2018 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm tại Bản án số 74/2018/DS-PT tuyên hủy bản án sơ thẩm do sai sót về thủ tục tố tụng,

Ngày 30/10/2019, Tòa án nhân dân quận N1 triệu tập bà T theo Thông báo thụ lý vụ án số 06/2014/TLST-DS ngày 21/01/2019. Chị em bà Mai Thị T ủy quyền cho ông Đoàn Hữu B2 tham gia tố tụng và mời luật sư tham gia tố tụng và nộp hồ sơ tại Tòa án quận N1 ngày 01/11/2019.

Qua sao chụp hồ sơ tài liệu trong vụ án Luật sư cho biết, việc bà L4 khởi kiện bà Đ9, ông T2 với lý do:

- Ông T2 đã kê khai thửa đất có nguồn gốc của ông L7 quy chủ hồ sơ giải tỏa đền bù đứng tên bà Lê Thị Đ9; ông Mai Xuân T2; ông Mai Xuân L3; bà Hồ Thị Đ3 và ông Trần Văn L6, bà Mai Thị Xuân Tr.

Vì ông T2 cho rằng đất ông T2 kê khai (đất đang tranh chấp) là của ông H7 và bà H6 để lại và đã họp gia tộc để phân chia (việc phân chia cũng không đúng chia phần cho những người chết từ nhỏ không có con và gia đình bà Đ9 nhận phần nhiều).

Biên bản họp chia nhà đất ở ngày 05/10/2001 của UBND phường không đúng sự thật. Bà L4 đã khiếu nại đến các cơ quan thẩm quyền địa phương tại quận N1. Sau đó các cấp chính quyền đã ban hành các quyết định sau đây:

Một là: Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Chủ tịch UBND quận N1;

Hai là: Quyết định số 4057/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Chủ tịch UBND quận N1;

Ba là: Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Chủ tịch UBND quận N1;

Bốn là: Quyết định số 4059/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Chủ tịch UBND quận N1;

Năm là: Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 09/03/2011 của Chủ tịch UBND quận N1;

Sáu là: Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 09/08/2011 của Chủ tịch UBND quận N1;

Bảy là: Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 27/5/2014 của Chủ tịch UBND quận N1;

Tám là: Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 13/01/2015 của Chủ tịch UBND phường K.

Nội dung tại 08 (tám) quyết định nêu trên đề cập giải quyết một số việc và không xem xét một việc, cụ thể như sau:

- Đã thu hồi, hủy bỏ hồ sơ kê khai gian dối, không đúng sự thật do UBND phường K xác nhận nguồn gốc đất, chuyển nhượng đất (cho đất, giao đất) sai sự thật do ông Mai Xuân T2 và gia đình bà Đ9 kê khai gian dối và UBND phường đã không điều tra xác minh đúng đắn mà dựa vào lời khai của gia đình bà Đ9 và ông T2 để kê khai giải tỏa đền bù, trong đó có việc cho rằng ông Mai Xuân L7 cho đất ông Trần Văn L6 và bà Đ3 (ngày 20/2/1997 là không có thật) là cha mẹ ông Trần Văn Th, nguyên Bí thư Đảng ủy phường K (hồ sơ GTĐB số 450).

- Hồ sơ bà Mai Thị Xuân Tr (con ông Mai Xuân T2) sinh năm 1990 được UBND phường K xác nhận đơn xin giao đất lúc đó mới 06 tuổi là không có cơ sở, mặt khác tại sơ đồ giao đất và xác định tứ cận không đúng sự thật (HS giải tỏa đền bù số 449).

- Các quyết định nêu trên đã không xem xét, đề cập đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị em bà T là con của ông L7 và bà T5. UBND phường đã căn cứ vào việc phân chia đất nhà ở cha mẹ để lại lập ngày 05/10/2001, trong khi biên bản này không có căn cứ pháp lý, những nhân chứng là người thân do ông T2 dựng lên cho họ ký vào biên bản. Bà Đ9 và ông T2 cho rằng bà Đ4 có ký nhận số tiền 5.833.300 đồng và bà L4 có chứng kiến, từ đó bà Đ9 quản lý sử dụng mảnh vườn của ông L7.

Qua tài liệu trong hồ sơ vụ án cho thấy biên bản về việc phân chia đất nhà ở cha mẹ để lại lập ngày 05/10/2001 là biên bản chia đất của bà H6 và ông H7 tại ngôi nhà ở của bà H6 và ông T2 đã “lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia” áp đặt lên diện tích đất 2175,4m² của ông Mai Xuân L7 để làm thủ tục giải tỏa đền bù, nhận đất tái định cư, theo đó chiếm đoạt diện tích đất còn lại ngoài vệt giải tỏa đền bù là: 352,5m².

Từ các trình bày nêu trên, bà Mai Thị T khởi kiện một phần tại Quyết định số 6742/QĐ UBND ngày 04/10/2016 của Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng ban hành:

+ Quyết định số 6742/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng quyết định:

Điều 01: Phê duyệt hỗ trợ đền bù, bố trí tái định cư gửi đến các hộ giải tỏa dự án mở rộng khu số 4 tại phường K (có bản tổng hợp chi tiết kèm theo).

Điều 4: Chánh văn phòng UBND TP, giám đốc các sở,...Chủ tịch UBND phường K và các cá nhân có tên tại điều 1 căn cứ quyết định này thực hiện.

Bà T không thuộc đối tượng được nhận quyết định này nên không được biết. Trong hồ sơ vụ án, tại biên bản phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm người đại

diện của bà T là ông Trần Văn H cũng không được biết.

Căn cứ Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 116, khoản 2, điểm a thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Bà T được biết sự việc này là do thời điểm ông Bền và Luật sư tham gia là từ ngày 01/11/2019.

Những căn cứ trình bày nêu trên chứng minh người khởi kiện không bị mất quyền khởi kiện theo quy định thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính;

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên hủy một phần Quyết định số 6742/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 do ông Phó Chủ tịch Nguyễn Ngọc Tuấn ký thay Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết hỗ trợ đền bù, bố trí tái định cư đối với các hộ giải tỏa tại dự án mở rộng khu số 4 - Khu đô thị mới Nam cầu TS, đối với mục: Số thứ tự 1, trang 1 và số thứ tự 2, trang 2 của phụ lục (kèm theo quyết định số 6742) cụ thể tại quyết định đã quy chủ đất và bố trí phân lô tái định cư cho bà Lê Thị Đ9 và bà Mai Thị Xuân Tr làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của các con bà T5 và ông L7.

Ngày 25/11/2020, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người khởi kiện bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu các nội dung sau:

1. Yêu cầu Tòa án hủy các quyết định thu hồi đất của UBND quận N1, gồm:

- Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án mở rộng ranh giới về phía Đông thuộc Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ bà Mai Thị Xuân Tr.

- Quyết định số 4060/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án mở rộng ranh giới về phía Đông thuộc Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ bà Mai Thị Xuân Tr.

- Quyết định số 4059/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án mở rộng ranh giới về phía Đông thuộc Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ bà Hồ Thị Đ2.

- Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án mở rộng ranh giới về phía Đông thuộc Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ ông Mai Xuân L3.

- Quyết định số 4057/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án Khu số 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ bà Lê Thị Đ9.

- Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án Khu số 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ ông Mai Xuân T2.

2. Yêu cầu Tòa án hủy các quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND quận N1, gồm:

- Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 27/5/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1 phê duyệt kết quả xét tính pháp lý về nhà, đất đối với các hộ dân thuộc diện giải tỏa để thực hiện dự án Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS tại phường K, quận N1.

- Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 09/8/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1 phê duyệt mức bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, đất cho các hộ dân thuộc diện giải tỏa để thực hiện dự án Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS tại phường K, quận N1.

3. Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 13/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, quận N1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị Bích L4 trú tại phường K, quận N1.

**** Trong quá trình tố tụng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là ông Nguyễn Hữu L có ý kiến trình bày:***

Thông nhất với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Mai Thị T và bổ sung ý kiến như sau:

Khi thực hiện giải tỏa đền bù thì cơ quan có thẩm quyền phải xác định nguồn gốc từ địa phương, sổ mục kê là căn cứ pháp lý quan trọng để xác định nguồn gốc đất, xác định rõ đây là đất của ông L7 và bà Đ4. Trong quá trình làm hồ sơ giải tỏa đền bù thì gia đình ông T2 có kê khai, xác lập là đất của bà Đ9, địa phương căn cứ vào biên bản phân chia tài sản năm 2001 là không có căn cứ vì biên bản này không có xác nhận của chính quyền địa phương, ngoài ra biên bản này không nêu vị trí thửa đất, không có chữ ký của bà Đ9, chữ ký các hàng thừa kế của ông L7.

**** Trong quá trình tố tụng người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng có văn bản trình bày:***

1. Về nguồn gốc sử dụng đất.

a) Nguồn gốc sử dụng đất hồ sơ bà Lê Thị Đ9.

- Theo hồ sơ kỹ thuật do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên - Môi trường lập ngày 22/10/2010 tại thửa 94, tờ bản đồ 81 có diện tích sử dụng 748,8m²; diện tích thu hồi 670,6m² ghi chủ sử dụng là bà Lê Thị Đ9.

- Đơn xin lại đất vườn để ở đứng tên ông Mai Xuân L7 xin sử dụng lại mảnh đất của bà Trần Thị H6 (là mẹ của bà Đ9 và ông L7) được Hợp tác xã nông nghiệp phường B3 xác nhận ngày 30/8/1980, nội dung giải quyết cho anh Lộc cái vườn cũ của bà Trần Thị H6, nay để lại cho anh Lộc ở.

- Bản kê khai nguồn gốc nhà đất của bà Đ9 được UBND phường K xác nhận, nội dung: Nguồn gốc đất bà Đ9 tự khai phá sử dụng làm nhà ở trước năm 1975.

- Biên bản phân chia đất ở cha mẹ để lại ngày 05/10/2001 được bà con trong họ ký xác nhận thỏa thuận giao toàn bộ mảnh đất có diện tích 1539,0m² (39mx41m) cho bà Lê Thị Đ9 toàn quyền sở hữu sử dụng.

- Hộ khẩu ghi hộ bà Lê Thị Đ9 chuyển đến nơi có nhà ở vào thời điểm năm 1992.

- Biên bản họp Hội đồng phường K ngày 25/6/2011: Xét nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất hộ bà Đ9: nguồn gốc đất do bà Trần Thị H8 (H6) tự khai phá sử dụng trước năm 1975 để lại cho con cháu, bà Đ9 sử dụng một phần đất của cha mẹ sử dụng từ trước năm 1975, diện tích sử dụng: 748,7m².

- Công văn số 1113/TTĐĐBĐ-LT&XLHS ngày 12/8/2016 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên - Môi trường về việc nhập các thửa đất số 65, 94, 96, 97 và 98 thuộc tờ bản đồ số 81 thành thửa đất 137, tờ bản đồ 81 có diện tích sử dụng 2.175,4m²; diện tích thu hồi 1.822,9m² quy chủ hộ bà Lê Thị Đ9.

b) Cơ sở pháp lý Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án nhập hồ sơ của các hộ bà Mai Thị Xuân Tr, ông Trần Văn L6, ông Mai Xuân T2 và ông Mai Xuân L3 trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6742/QĐ-UBND ngày 04/10/2016.

- Nguồn gốc đất: Do bà Trần Thị H6 khai phá đất để ở trước năm 1975 để lại. Tuy nhiên từ sau năm 1975 đến nay bà H6 không có giấy tờ, chứng cứ chứng minh việc sử dụng đất, do đó bà H6 sử dụng đất không liên tục;

- Ngày 05/10/2001, tại nhà ông Mai Hường, phường B3 nay là phường K đã tổ chức cuộc họp phân chia đất của ông Mai K1 và bà H6 để lại. Tại biên bản này bà Nguyễn Thị Đ4 (vợ ông Mai Xuân L7) nhất trí quy ra tiền theo thời điểm đó là 5.833.300 đồng, bà Đ9 có trách nhiệm thanh toán số tiền cho bà Đ4 để giao lại phần đất cho bà Đ9 toàn quyền sử dụng. Ngày 03/12/2014, UBND phường K đã mời các nhân chứng sống họp để xác minh các nội dung của cuộc họp ngày 05/10/2001 nói trên. Qua ý kiến của các người tham dự cuộc họp đã

khẳng định biên bản cuộc họp ngày 05/10/2001 là cơ sở chứng minh thửa đất thuộc quyền quản lý sử dụng của hộ bà Lê Thị Đ9, lúc đó ông Mai Xuân T2 (con ruột bà Đ9) có đưa đầy đủ số tiền là 5.833.300 đồng cho bà Nguyễn Thị Đ4 có sự chứng kiến của bà Mai Thị Bích L4 (con bà Nguyễn Thị Đ4);

- Ngày 10/9/2003, UBND phường B3 mời giải quyết tranh chấp về đất đai đối với hộ ông Mai Xuân T2 (con bà Lê Thị Đ9) và ông Đặng Xuân M3 tại vị trí sơ đồ giải quyết hòa giải có thể hiện nhà ở của ông T2 đúng với vị trí đất giải tỏa của hộ bà Lê Thị Đ9;

- Hộ khẩu bà Đ9 tại tổ 4, phường K được cấp năm 2008, trong đó có ghi chuyển đến năm 1992, gồm 05 khẩu (01 cặp vợ chồng ông T2, con bà Đ9);

- Hiện trạng nhà của ông Mai Xuân T2 (con của bà Đ9) và của hộ bà Mai Thị Xuân Tr (con của ông T2);

- Qua xác minh việc nộp thuế đất của hộ bà Lê Thị Đ9, Chi cục Thuế xác định từ năm 2008 đến năm 2010 nộp thuế cho diện tích đất 1.850m² tại tổ 5 cũ, phường K là nộp thuế cho thửa đất hộ bà Lê Thị Đ9 hiện đang sử dụng;

- Biên bản họp Hội đồng phường K ngày 25/6/2011 xét nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất hộ bà Đ9: nguồn gốc đất do bà Trần Thị H8 (H6) tự khai phá sử dụng trước năm 1975 để lại cho con cháu, bà Đ9 sử dụng một phần đất của cha mẹ sử dụng từ trước năm 1975;

Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đề nghị Trung tâm kỹ thuật đo đạc bản đồ thành phố tiến hành họp thửa đối với hộ bà Mai Thị Xuân Tr, hồ sơ số 449; hộ ông Trần Văn L6, hồ sơ số 450; hộ ông Mai Xuân T2, hồ sơ số 451 và hộ ông Mai Xuân L3, hồ sơ số 452 và quy chủ, bồi thường cho hộ bà Lê Thị Đ9 là có cơ sở pháp lý dựa trên các giấy tờ chứng minh có liên quan và báo cáo xác minh về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của UBND phường K.

Thửa đất sau khi nhập 04 hồ sơ nêu trên thành thửa đất số 137, tờ bản đồ 81 có diện tích sử dụng 2.175,4 m²; diện tích thu hồi 1.822,9 m².

2. Tổng hợp mức phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà cửa, vật kiến trúc và bố trí tái định cư đã được UBND thành phố phê duyệt (có trích ngang cụ thể quá trình giải quyết kèm theo)

- Ngày 09/8/2011, Chủ tịch UBND quận N1 đã ban hành Quyết định số 2353/QĐ-UBND phê duyệt:

- + Vị trí 1, đường phố loại 5, hệ số đường phố 0,7 (đơn giá 1.960.000đ/m²) nhân hệ số 1,1.

- + Hỗ trợ 100% đất ở cho 134,4m².

+ Hỗ trợ 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đ/m²) cho 536,2m².

+ Bồi thường 100% nhà, vật kiến trúc theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND.

- Ngày 4/4/2013, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 2307/QĐ-UBND phê duyệt:

+ Vị trí 1, đường phố loại 5, hệ số đường phố 0,7 (đơn giá 1.960.000đ/m²) nhân hệ số 1,1

+ Hỗ trợ 100% đất ở cho 134,4m².

+ Hỗ trợ 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đ/m²) cho 536,2m².

+ Hỗ trợ công bồi trúc 100.000đ/m² cho 536,2m².

+ Bồi thường 100% nhà, vật kiến trúc theo Quyết định UBND.

(Thay cho mức phê duyệt trước đây).

+ Bố trí 01 (một) lô chính đường 5,5m Khu dân cư phía Nam đường Bùi Tá Hán, ghi nợ 100% tiền sử dụng đất 01 lô.

- Ngày 27/5/2014, Chủ tịch UBND quận N1 đã ban hành Quyết định số 1545/QĐ-UBND phê duyệt:

+ Vị trí 1 đường phố loại 5, hệ số đường phố 0,7 (đơn giá 1.960.000đ/m²) nhân hệ số 1,1

+ Hỗ trợ 100% đất ở cho 132,6m².

+ Hỗ trợ 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đ/m²) cho 464,3m².

+ Bồi thường 100% nhà, vật kiến trúc theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND.

+ Bồi thường nhà đất cho người thừa kế hợp pháp.

- Ngày 4/10/2016, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 6742/QĐ-UBND phê duyệt:

+ Vị trí 1, đường phố loại 5, hệ số đường phố 0,7 (đơn giá: 1.960.000đ/m²) nhân hệ số 1,1

+ Hỗ trợ 100% đất ở cho 251,4m² (trong đó diện tích nằm trước vệt 25m là 145,7 m² và diện tích nằm sau vệt 25m là 105,7 m²).

+ Hỗ trợ 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đ/m²) cho 1.571,5m².

+ Bồi thường 100% nhà, vật kiến trúc theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND.

+ Bố trí 02 (hai) lô đất chính đường 5,5m khu dân cư phía Nam đường Bùi Tá Hán.

(Bố trí chung cho hộ chính và các hộ xây dựng trên đất, các hộ tự thỏa thuận để nhận đất tái định cư. Nội dung bồi thường này thay thế nội dung bồi thường đất và bố trí đất tái định cư đã được giải quyết).

Hiện nay bà Mai Thị T (là con của vợ thứ 2 của ông Mai Xuân L7) căn cứ vào các loại giấy tờ sau đây đề nghị quy chủ cho hộ ông Mai Xuân L7 (đã chết) và khởi kiện hành chính đối với Quyết định số 6742/QĐ-UBND ngày 04/10/2016:

- Đơn xin lại đất vườn để ở của ông Mai Xuân L7 ký ngày 30/8/1980 được HTX nông nghiệp phường B3 (cũ) xác nhận nhưng không ghi ngày tháng năm xác nhận với nội dung: giải quyết cho ông L7 vườn ở cũ của bà Trần Thị H6, nay để lại cho ông L7 ở (giấy pho to không có bản gốc).

- Bản đồ địa chính năm 2007, tại thửa đất số 46; 48 và 49, tờ bản đồ số 79 tại thời điểm trên quy chủ cho ông Mai Xuân L7 và bà Nguyễn Thị Đ4, loại đất ở đô thị.

Từ những cơ sở nêu trên, Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến như sau:

Đối với đơn xin lại đất vườn để ở của ông Mai Xuân L7 lập ngày 30/8/1980 được HTX nông nghiệp phường B3 (cũ) xác nhận, nội dung: giải quyết cho ông L7 vườn ở cũ của bà Trần Thị H6, nay để lại cho ông L7 ở không xác định được ranh giới thửa đất, không thể hiện tứ cận, không xác định được vị trí thửa đất, không kê khai đăng ký vào sổ địa chính của địa phương theo quy định của luật đất đai, không kê khai nộp thuế theo quy định, hiện trạng không có nhà và VKT của ông Mai Xuân L7, việc sử dụng không ổn định, không liên tục nên việc đề nghị quy chủ bồi thường cho hộ ông Mai Xuân L7 là không có cơ sở;

- Mặt khác thửa đất nêu trên vào năm 2001, theo biên bản họp thì đã giao toàn quyền cho bà Đ9 sử dụng. Theo bản đồ địa chính năm 2007, tại thửa đất số 46; 48 và 49, tờ bản đồ số 79 tại thời điểm trên quy chủ cho ông Mai Xuân L7 và bà Nguyễn Thị Đ4, loại đất ở đô thị. Tuy nhiên, theo Công văn số 1568/BTNMT-DKTKD ngày 25/4/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì “Sổ Mục kê phục vụ cho Nhà nước nắm đầy đủ ruộng đất và thực hiện thống kê, kiểm kê theo quy định của pháp luật đất đai, sổ mục kê không phải là một trong những loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai”. Ngoài ra, ông Mai Xuân L7 chết năm 1997 và bà Nguyễn Thị Đ4 chết năm 2005, do đó

việc lập sổ mục kê năm 2007 có tên ông Mai Xuân L7 và bà Nguyễn Thị Đ4 là có sai sót trong việc đo đạc và quy chủ sử dụng đất. Đồng thời vào năm 2003, UBND phường B3 mời giải quyết tranh chấp về đất đai đối với hộ ông Mai Xuân T2 (con bà Lê Thị Đ9) và ông Đặng Xuân M3 tại vị trí sơ đồ giải quyết hòa giải có thể hiện nhà ở của ông T2 đúng với vị trí đất giải tỏa của hộ bà Lê Thị Đ9.

- Bên cạnh đó, ngày 08/5/2020 UBND quận N1 có Công văn số 1039/UBND-BGPMB về việc yêu cầu cung cấp hồ sơ liên quan để kiểm tra tính pháp lý, theo đó đề nghị hộ bà Lê Thị Đ9 và các đồng thừa kế của hộ ông Mai Xuân L7 cung cấp các hồ sơ pháp lý liên quan đến việc đơn xin đất làm nhà của hộ ông Mai Xuân L7 để Hội đồng kiểm tra và họp xét pháp lý, thời gian chậm nhất đến ngày 31/5/2020, nhưng đến nay các hộ trên không có cung cấp hồ sơ gốc của hộ ông Mai Xuân L7 và hộ bà Lê Thị Đ9 cũng không bổ sung giấy tờ gì thêm.

Từ những cơ sở nêu trên, việc bà Mai Thị T đề nghị quy chủ cho hộ ông Mai Xuân L7 là không có cơ sở giải quyết.

Căn cứ nguồn gốc đất sử dụng của hộ bà Lê Thị Đ9, hiện trạng nhà đang sử dụng, biên bản họp năm 2001, xác minh nộp thuế của hộ bà Lê Thị Đ9, biên bản giải quyết tranh chấp và báo cáo của UBND phường K về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất thì việc Hội đồng giải phóng mặt bằng quận xác định quy chủ và bồi thường cho hộ bà Lê Thị Đ9 đối với thửa đất.

Việc UBND quận N1 ban hành các quyết định theo trình tự thu hồi đất, các quyết định phê duyệt pháp lý và tham mưu trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định phê duyệt mức bồi thường và bố trí đất tái định cư là đúng với nguồn gốc sử dụng đất của chủ hộ và đúng Luật đất đai hiện hành.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đã trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6742/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 là đúng theo quy định và nguồn gốc đất sử dụng đối với hộ bà Lê Thị Đ9.

Do đó, Quyết định số 6742/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Chủ tịch UBND thành phố về việc phê duyệt giải quyết hỗ trợ đền bù, bố trí tái định cư đối với hộ bà Lê Thị Đ9 có giá trị pháp lý để thực hiện.

Việc bà Mai Thị T đề nghị hủy một phần Quyết định số 6742/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Chủ tịch UBND thành phố là không có cơ sở.

Chủ tịch UBND thành phố đề nghị Tòa án nhân dân thành phố bác đơn khởi kiện của bà Mai Thị T, đồng thời giữ nguyên nội dung Quyết định số 6742/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Chủ tịch UBND thành phố.

**** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận***

N1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1 ông Mai N2 trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:

Việc sử dụng đất của bà Lê Thị Đ9 tại Bản kê khai nguồn gốc nhà đất được UBND phường K xác nhận: Bà Đ9 tự khai phá sử dụng nhà trước năm 1975. Như vậy, bà Đ9 đã khai phá sử dụng đất làm nhà từ năm 1975 đến năm 2016 là hơn 30 năm. Do đó bà Lê Thị Đ9 là đối tượng được điều chỉnh bởi Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

“Điều 236. Xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu do chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật

Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.”

Do đó bà Đ9 là đối tượng được điều chỉnh bởi Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc xác định nguồn gốc, quy chủ nhà đất này là do Ủy ban nhân dân phường K xác nhận trong hồ sơ giải tỏa đền bù, trên cơ sở đó Hội đồng giải phóng mặt bằng trình lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng để ban hành Quyết định số 6742/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 về việc phê duyệt giải quyết hỗ trợ đền bù, tái định cư đối với các hộ giải tỏa dự án mở rộng Khu số 4 - Khu đô thị mới Nam cầu TS.

Tại thời điểm thu hồi nhà đất thì hiện trạng là bà Lê Thị Đ9 đang ở trên đất và được Ủy ban nhân dân phường K xác nhận nên đất quy chủ cho bà Lê Thị Đ9. Việc quy chủ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, Ban giải phóng mặt bằng quận N1 đã có văn bản yêu cầu hộ ông Mai Xuân L7 cung cấp giấy tờ chứng minh việc quy chủ nhà đất cho ông L7 nhưng hiện nay gia đình hộ ông Mai Xuân L7 không cung cấp được. Hội đồng không có cơ sở quy chủ nhà đất trên cho hộ ông L7, nay đề nghị hộ gia đình ông L7 cung cấp giấy tờ liên quan chứng minh về việc sử dụng nhà đất là của ông L7 trên cơ sở đó để Hội đồng giải phóng mặt bằng xem xét.

Cần xem xét rõ lại tính pháp lý của hồ sơ giải tỏa đền bù trên, cần làm rõ nguồn gốc đất là của ông L7 hay bà Đ9. Việc vì sao lại quy chủ cho bà Lê Thị Đ9 thì đã có hồ sơ pháp lý xác nhận. Người khởi kiện cho rằng đây là nhà đất của ông L7 thì đề nghị người khởi kiện cung cấp những tài liệu, chứng cứ chứng minh việc sử dụng đất của ông Mai Xuân L7. Đề nghị xác định rõ lại những người có huyết thống của ông L7, đã có huyết thống thì mới có quyền khởi kiện hành chính, từ đó xác định rõ nguồn gốc nhà đất.

Nếu yêu cầu khởi kiện cung cấp là đúng nhà đất của ông Mai Xuân L7 thì

Hội đồng giải phóng mặt bằng quận N1 sẽ thực hiện điều chỉnh, giải quyết đúng đối tượng.

Ủy ban nhân dân quận N1 đã nhận được Thông báo thụ lý bổ sung số 48A/2020 và có ý kiến như sau:

Trước đây Ủy ban nhân dân quận N1 đã yêu cầu người khởi kiện cung cấp tài liệu chứng cứ bản gốc về việc chứng minh nguồn gốc đất này là của ông Mai Xuân L7 nhưng đến nay gia đình vẫn không cung cấp được, do đó chúng tôi bảo lưu ý kiến đã trình bày tại các phiên họp trước đây, dựa trên báo cáo của Ủy ban nhân dân phường K về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của bà Lê Thị Đ9. Việc xác định nguồn gốc đất và bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư cho hộ bà Lê Thị Đ9 là đúng trình tự, đúng quy định của pháp luật.

Nếu người khởi kiện cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì Ủy ban nhân dân quận N1 sẽ xem xét giải quyết.

Cần phải giải quyết vụ án dân sự để xác định rõ nguồn gốc thửa đất này là của ai thì mới có cơ sở để giải quyết vụ án.

Sổ mục kê lập năm 2007 với các thửa đất số 46, 48, 49 trùng khớp với vị trí giải tỏa thửa đất của bà Lê Thị Đ9, tuy nhiên tờ bản đồ số 79, thửa 46, 48, 49, Tòa án nhân dân quận N1 đã thu thập khẳng định có sai sót quy chủ trong quá trình đo đạc trước đây.

**** Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K và Ủy ban nhân dân phường K trong quá trình tố tụng trình bày:***

Hiện nay sau khi rà soát tất cả hồ sơ, Ủy ban K có Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 05/01/2021 thì khẳng định rằng chỉ có giấy tờ khai phá của bà H6 tự khai phá đất để ở trước năm 1975 để lại. Tuy nhiên từ sau năm 1975 đến nay bà H6 không có giấy tờ gì chứng minh việc sử dụng đất, do đó bà H6 sử dụng đất ở không liên tục.

Vào ngày 05/10/2001, đã tổ chức cuộc họp phân chia đất nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương. Vào ngày 03/12/2014, Ủy ban nhân dân phường K đã mời các nhân chứng sống họp để xác minh các nội dung của cuộc họp ngày 05/10/2001 nói trên. Qua các ý kiến của những người tham gia cuộc họp đã khẳng định biên bản họp ngày 05/10/2001 là có cơ sở chứng minh thửa đất thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Lê Thị Đ9. Lúc đó ông T2 (con ruột bà Lê Thị Đ9) có đưa đầy đủ số tiền là 5.833.300 đồng cho bà Nguyễn Thị Đ4 có sự chứng kiến của bà Mai Thị Bích L4 (con ruột bà Đ4).

Theo biên bản giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông M3 và ông T2 của UBND phường B3 lập vào ngày 10/9/2003, tại vị trí sơ đồ đất giải quyết hòa giải tranh chấp đất đai có thể hiện nhà ở của ông T2 đúng với vị trí đất giải tỏa

của bà Lê Thị Đ9.

Trước đây Ủy ban nhân dân phường K đã làm việc với HDGPMB để xác định đất này của bà Lê Thị Đ9.

Trong Sổ mục kê do Ủy ban nhân dân phường K quản lý thì thể hiện 03 thửa đất số 46, 48, 49 tại phường K, quận N1 đã quy chủ cho ông Mai Xuân L7 và bà Nguyễn Thị Đ4 là không đúng, có sự nhầm lẫn, sai sót của cán bộ đo đạc vì thời điểm đó ông L7 đã chết, hiện trạng không có nhà ở nên không thể quy chủ cho ông L7.

Qua những nội dung nêu trên, UBND phường K xác định bà Lê Thị Đ9 sử dụng đất để làm nhà ở sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2004 ổn định đến nay (tại vị trí đất giải tỏa).

**** Tại phiên tòa sơ thẩm và trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân T2 trình bày:***

Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T.

Người khởi kiện đã khởi kiện vụ án này tại Tòa án nhân dân quận N1, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã nhiều năm nhưng không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất do ông L7 đi xin Hợp tác xã. Hiện nay nhà thờ cúng của gia đình tôi đã hư hỏng, dột nát nhưng không thể sửa chữa, dẫn đến thiệt hại quyền lợi hợp pháp của gia đình tôi. Muốn khởi kiện thì phải cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh thửa đất đó của ông L7 và bà Đ4. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ để tiến hành xét xử vụ án sớm, sổ mục kê lập năm 2007 quy chủ cho ông L7, bà Đ4 có vị trí thửa đất trùng với thửa đất của gia đình tôi đang sử dụng từ năm 2001.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm và trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Bích L4 là ông Lê Sáng Đ1 trình bày:***

Tôi không thống nhất với ý kiến của UBND phường K, các cơ quan chức năng về việc khẳng định đất này là của bà Đ9 là không đúng, vì trong biên bản phân chia gia tộc không có xác nhận của chính quyền địa phương, không có chữ ký của bà Lê Thị Đ9, biên bản này có sự nhầm lẫn về vị trí thửa đất phân chia. Ủy ban nhân dân cho rằng sổ mục kê quy chủ đất cho ông L7 là sai vì thời điểm đó ông L7 đã chết là không đúng, cũng chính trong sổ mục kê này có những trường hợp đã chết nhưng vẫn được quy chủ và con cháu họ vẫn được thừa hưởng.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền phải xem xét lại tính pháp lý của hồ sơ này. Chúng tôi có giấy tờ nộp thuế và xác nhận của Chi cục Thuế quận N1 chứng minh.

Trong sổ mục kê có 02 thửa đất: Thửa đất số 41 tên ông Mai Cồn và bà Lê Thị Đ9, còn thửa đất 46, 48, 49 mang tên ông L7 và bà Đ4. Việc này chứng minh thửa đất số 41 mới chính là thửa đất dùng để phân chia trong biên bản phân chia.

Việc bà Đ9 làm nhà trên đất đã được quy chủ cho ông L7, bà Đ4 trong sổ mục kê, yêu cầu Cơ quan chức năng cung cấp chứng cứ chứng minh bà Đ9 được làm nhà ở ổn định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định.

- Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206, Điều 213, Điều 305 và Điều 307 của Luật tổ tụng hành chính.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T về việc tuyên:

- Hủy một phần Quyết định số 6742/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết hỗ trợ đền bù tái định cư đối với các hộ giải tỏa tại dự án mở rộng Khu số 4 - Khu đô thị Nam cầu TS. Trong đó có mục số thứ tự 1, trang 1 và số thứ tự 2, trang 2 của phụ lục kèm theo Quyết định số 6742/QĐ-UBND đã quy chủ lô đất và bố trí phân lô tái định cư cho bà Lê Thị Đ9 và bà Mai Thị Xuân Tr.

- Hủy một phần Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 09/8/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1 phê duyệt mức bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, đất cho các hộ dân thuộc diện giải tỏa để thực hiện dự án Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS tại phường K, quận N1, cụ thể ở các phần có tên của bà Lê Thị Đ9 (chết, đại diện ông Mai Xuân T2), bà Mai Thị Xuân Tr, ông Trần Văn L6 và bà Trần Thị Đ2 (Hò Thị Đ3), ông Mai Xuân T2, ông Mai Xuân L3 (có số thứ tự 28, 29, 30, 31 và 32 của phụ lục được kèm theo Quyết định số 2353/QĐ-UBND).

- Hủy một phần Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 27/5/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1 phê duyệt kết quả xét tính pháp lý về nhà, đất đối với các hộ dân thuộc diện giải tỏa để thực hiện dự án Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS tại phường K, quận N1, cụ thể ở phần có tên bà Lê Thị Đ9 (chết, đại diện ông Mai Xuân T2 có số thứ tự 12 của phụ lục được kèm theo Quyết định số 1545/QĐ-UBND).

- Hủy toàn bộ các Quyết định: Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá

nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án mở rộng ranh giới về phía Đông thuộc Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ bà Mai Thị Xuân Tr. Quyết định số 4060/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án mở rộng ranh giới về phía Đông thuộc Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ bà Mai Thị Xuân Tr. Quyết định số 4059/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án mở rộng ranh giới về phía Đông thuộc Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ bà Hồ Thị Đ2. Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án mở rộng ranh giới về phía Đông thuộc Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ ông Mai Xuân L3. Quyết định số 4057/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án Khu số 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ bà Lê Thị Đ9. Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án Khu số 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ ông Mai Xuân T2;

- Hủy một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 13/01/2015 của Chủ tịch UBND phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị Liên có nội dung liên quan khi xác định không đúng nguồn gốc đất mà các bên đang tranh chấp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/02/2022, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân T2, ông Mai Xuân L3, bà Mai Thị P và bà Mai Thị Xuân Tr có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Mai Thị T do ông Trần Văn H đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn ông H không rút yêu cầu khởi kiện. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân T2, ông Mai Xuân L3 (ông T2, ông L3 do ông Trịnh Anh H5 đại diện theo ủy quyền), bà Mai Thị Xuân Tr, bà Mai Thị P (bà Tr, bà P do ông Huỳnh Ngọc Th đại diện theo ủy quyền) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Những người có kháng cáo và người đại diện theo ủy quyền của người có kháng cáo cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét khách quan về nguồn gốc đất, người sử dụng đất và các chứng cứ mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các ông, bà nên yêu cầu Tòa án cấp phúc

thẩm sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T. Ông Hùng còn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân T2, ông Mai Xuân L3, bà Mai Thị Xuân Tr, bà Mai Thị P và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo nói trên thì thấy:

Xem xét các quyết định thu hồi đất kèm theo hồ sơ của bà Mai Thị Xuân Tr, ông Mai Xuân L3, ông Mai Xuân T2, bà Lê Thị Đ9 và bà Hồ Thị Đ2 (Đ3) thì thấy: Tại Quyết định số 4060/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 và Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của UBND quận N1 thu hồi đất của hộ bà Mai Thị Xuân Tr thì hồ sơ kèm theo các quyết định này thể hiện: Tại biên bản xác định tình trạng sử dụng đất của bà Mai Thị Xuân Tr lập ngày 19/4/2011 thì về nguồn gốc lô đất ông Mai Xuân L7 đứng tên xin đất làm nhà ở lập ngày 31/8/1980 có xác nhận của Hợp tác xã nông nghiệp B3 (cũ); Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất là bà Lê Thị Đ9 cho từ năm 2008 được UBND phường xác nhận ngày 01/10/2009; Theo trình bày của chủ hộ bà Lê Thị Đ9 và ông Mai Xuân L7 là ông bà nội ruột hiện tại đã qua đời. Tại bản kê khai nguồn gốc nhà - đất của bà Mai Thị Xuân Tr lập ngày 19/4/2011 có nội dung như trên và đã được UBND phường K xác nhận như sau: Bà Mai Thị Xuân Tr sử dụng nhà và một phần thửa đất của ông bà nội để lại có thời điểm sử dụng đất ở trước ngày 01/7/2004, biên bản họp hội đồng ngày 25/6/2011 xác định bà Mai Thị Xuân Tr sử dụng đất ở năm 2002 đến nay. Thời điểm này bà Tr chưa đủ tuổi thành niên (bà Tr sinh năm 1990). Tại Quyết định số 4059/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND quận N1 thu hồi đất của hộ bà Hồ Thị Đ2 kèm theo hồ sơ thể hiện: Tại biên bản xác định tình trạng sử dụng đất của bà Hồ Thị Đ3 (Đ2) lập ngày 04/10/2010 thì nguồn gốc đất do bà Trần Thị H6 khai hoang sử dụng từ năm 1980 để lại cho con trai Mai Xuân L7 sử dụng theo đơn xin lại đất vườn để ở được Ban quản lý Hợp tác xã nông nghiệp B3 xác nhận ngày 31/8/1980... Tại bản kê khai nguồn gốc nhà - đất của bà Hồ Thị Đ3 (Đ2) lập ngày 04/10/2010 thì đất do bà Trần Thị H6 khai hoang để lại cho ông Mai Xuân L7 (con trai) sử dụng. Ông L7 để lại cho tôi làm nhà ở. Tại Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND quận N1 thu hồi đất của hộ ông Mai Xuân L3 kèm theo hồ sơ thể hiện:

Tại bản kê khai nguồn gốc nhà - đất lập ngày 04/12/2010 của ông Mai Xuân L3 đã được UBND phường K xác nhận về nguồn gốc đất, nhà của chủ hộ như sau: Nguồn gốc đất do ông bà Trần Thị H6 tự khai phá đất sử dụng làm nhà ở trước ngày 18/12/1980, đến nay để lại cho ông Mai Xuân L3 thừa kế sử dụng (nhưng không có giấy tờ gì thể hiện). Tại Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND quận N1 thu hồi đất của hộ ông Mai Xuân T2 thì hồ sơ kèm theo quyết định này thể hiện: Tại biên bản xác định tình trạng sử dụng đất của ông Mai Xuân T2 lập ngày 04/10/2010 có xác nhận của UBND phường K thì nguồn gốc đất ông bà để lại. Ông T2 có đơn xin xác nhận nguồn gốc đất được UBND phường K xác nhận lại ngày 01/10/2009, nội dung: Ông Mai Xuân T2 là đại diện thừa kế mảnh đất của cha mẹ để lại, nguồn gốc đất ông bà sử dụng trước 18/12/1980, không tranh chấp. Nguồn gốc: Có đơn xin lại đất vườn để ở của bà Trần Thị H6 (bà nội) được Hợp tác xã nông nghiệp B3 xác nhận ngày 31/8/1980 đã chuyển nhượng cho các anh em, cháu Mai Xuân L3, Mai Thị Xuân Tr, Trần Thị Đ2, phần còn lại Mai Xuân T2. Tại biên bản xác định nguồn gốc nhà đất của ông Mai Xuân T2 lập ngày 27/4/2015 thì về nguồn gốc do ông Mai K1 và bà Trần Thị H6 tự khai phá làm nhà ở trước 1975. Năm 1980 ông Mai Xuân L7 có đơn xin đất làm nhà ở có Hợp tác xã xác nhận. Bà nội tôi quản lý và sử dụng đến năm 1983, đến năm 2001 gia đình có tổ chức cuộc họp nội dung cuộc họp thống nhất giao lại toàn bộ diện tích 1.550m² cho bà Lê Thị Đ9 sử dụng (có biên bản họp). Bà Lê Thị Đ9 cho lại con trai một phần diện tích 350m² sử dụng cho đến nay. Tại Quyết định số 4057/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND quận N1 về thu hồi đất của hộ bà Lê Thị Đ9 thì hồ sơ kèm theo quyết định này thể hiện: Tại biên bản xác định tình trạng sử dụng đất ngày 04/10/2010 có ghi chủ hộ ông Mai Xuân L7 và bà Lê Thị Đ9. Nguồn gốc đất UBND phường K quản lý, bà Trần Thị H6 khai hoang sử dụng, sau đó để lại cho con trai là Mai Xuân L7 tiếp tục sử dụng làm nhà ở theo đơn xin đất vườn để ở được Ban quản lý Hợp tác xã nông nghiệp B3 xác nhận ngày 31/8/1986. Hộ khẩu bà Đ9 được Công an quận N1 xác nhận chuyển đến 1992. Do ông Mai Xuân T2 ký thay và có xác nhận của UBND phường K. Tại bản kê khai nguồn gốc nhà - đất trong khu vực quy hoạch (không ngày, tháng, năm 2010) của chủ hộ bà Lê Thị Đ9 do ông Mai Văn Tam con trai ký thay) thể hiện: Đất UBND phường K quản lý, Trần Thị H6 khai hoang để lại cho Mai Xuân L7 con trai sử dụng. Có xác nhận của UBND phường K như sau: Bà Trần Thị H6 khai phá đất sử dụng đất để làm nhà ở trước năm 1975 (nay để lại cho ông Mai Xuân L7, bà Đ9 sử dụng). Biên bản họp hội đồng phường ngày 25/6/2011 xác định bà Lê Thị Đ9 sử dụng đất ở trước 1975 đến nay.

Như vậy, việc kê khai về nguồn gốc đất của ông Mai Xuân T2, ông Mai Xuân L3, bà Mai Thị Xuân Tr, bà Lê Thị Đ9 (do ông Mai Xuân T2 kê khai), bà Hồ Thị Đ2 (Đ3) cũng như việc xác nhận của UBND phường K như đã được

phân tích trên là chưa đảm bảo về nguồn gốc đất của người được thu hồi đất nên cần phải hủy các quyết định thu hồi đất nói trên và các quyết định có liên quan để UBND quận N1, thành phố Đà Nẵng xác định lại quyền sử dụng đất cho chính xác và ban hành quyết định thu hồi đất đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T hủy một phần Quyết định số 6742/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng; hủy một phần Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 09/8/2011 và hủy một phần Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 27/5/2014 của Chủ tịch UBND quận N1, thành phố Đà Nẵng; hủy toàn bộ các Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 09/3/2011, số 4060/QĐ-UBND ngày 14/10/2010, số 4059/QĐ-UBND ngày 14/10/2010, số 4058/QĐ-UBND ngày 14/10/2010, số 4057/QĐ-UBND ngày 14/10/2010, số 4036/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND quận N1, thành phố Đà Nẵng; hủy một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 13/01/2015 của Chủ tịch UBND phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, những người bị kiện đều nhất trí với bản án sơ thẩm không có kháng cáo nên bác kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân T2, ông Mai Xuân L3, bà Mai Thị Xuân Tr, bà Mai Thị P và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Mai Xuân T2, ông Mai Xuân L3, bà Mai Thị Xuân Tr, bà Mai Thị P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân T2, ông Mai Xuân L3, bà Mai Thị Xuân Tr, bà Mai Thị P và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206, Điều 213, Điều 305 và Điều 307 của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 6742/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết hỗ trợ đền bù tái định cư đối với các hộ giải tỏa tại dự án mở rộng Khu số 4 - Khu đô thị Nam cầu TS. Trong đó có mục số thứ tự 1, trang 1 và số thứ tự 2, trang 2 của phụ lục kèm theo Quyết định số 6742/QĐ-UBND đã quy chủ lô đất và bố trí phân lô tái định cư cho bà Lê Thị Đ9 và bà Mai Thị Xuân Tr.

- Hủy một phần Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 09/8/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1 phê duyệt mức bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, đất cho các hộ dân thuộc diện giải tỏa để thực hiện dự án Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS tại phường K, quận N1, cụ thể ở các phần có tên của bà Lê Thị Đ9 (chết, đại diện ông Mai Xuân T2), bà Mai Thị Xuân Tr, ông Trần Văn L6 và bà Trần Thị Đ2 (Hò Thị Đ3), ông Mai Xuân T2, ông Mai Xuân L3 (có số thứ tự 28, 29, 30, 31 và 32 của phụ lục được kèm theo Quyết định số 2353/QĐ-UBND).

- Hủy một phần Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 27/5/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1 phê duyệt kết quả xét tính pháp lý về nhà, đất đối với các hộ dân thuộc diện giải tỏa để thực hiện dự án Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS tại phường K, quận N1, cụ thể ở phần có tên bà Lê Thị Đ9 (chết, đại diện ông Mai Xuân T2 có số thứ tự 12 của phụ lục được kèm theo Quyết định số 1545/QĐ-UBND).

- Hủy toàn bộ các Quyết định: Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án mở rộng ranh giới về phía Đông thuộc Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ bà Mai Thị Xuân Tr. Quyết định số 4060/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án mở rộng ranh giới về phía Đông thuộc Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ bà Mai Thị Xuân Tr. Quyết định số 4059/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án mở rộng ranh giới về phía Đông thuộc Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ bà Hồ Thị Đ2. Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án mở rộng ranh giới về phía Đông thuộc Khu 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ ông Mai Xuân L3. Quyết định số 4057/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện Dự án Khu số 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ bà Lê Thị Đ9. Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận N1 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện

Dự án Khu số 4 mở rộng - Khu đô thị mới Nam cầu TS của hộ ông Mai Xuân T2;

- Hủy một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 13/01/2015 của Chủ tịch UBND phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị Liên có nội dung liên quan khi xác định không đúng nguồn gốc đất mà các bên đang tranh chấp.

2. Về án phí: ông Mai Xuân T2, ông Mai Xuân L3, bà Mai Thị Xuân Tr, bà Mai Thị P mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ số tiền mỗi người đã nộp 300.000đ tại các biên lai thu tiền số 0004907, 0004908, 0004909, 0004910 cùng ngày 23/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm